

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **315/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 28/9/2022

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn V”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1 Làng Bát, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Đặng Văn V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 1 Làng Bát, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Ý kiến của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết:* Chị và anh Đặng Văn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn năm 2009, khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn 1 Làng Bát, xã T, huyện H; ở nhà riêng xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh V. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không hoà giải được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Từ tháng 4 năm 2022 đến nay chị đi làm ăn xa không về nhà nữa, mỗi lần về chỉ về thăm con rồi đi. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định, chị và anh Đặng Văn V có 02 con chung, cháu Đặng Như Q, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009; cháu Đặng Quốc Q, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung của chị và anh V.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi Toà án nhân dân huyện H thông báo cho Chị H về kết quả ghi nhận ý kiến của các con chung, Chị H có đơn đề nghị trình bày nội dung: Sau khi được biết về ý kiến của các con chị xác định căn cứ vào hoàn cảnh thực tế hiện nay chị đi làm ăn ở Hải Phòng, không thường xuyên ở nhà, các con ở với anh V được ông bà nội chăm sóc. Nên chị nhất trí khi ly hôn các con chung của chị và anh V, cháu Q và cháu Q sẽ do anh V trực tiếp nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh Đặng Văn V không đến Toà án để làm việc, Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh V và xác minh tại gia đình anh V. Kết quả xác minh thể hiện:

Chính quyền địa phương cung cấp thông tin, anh Đặng Văn V và chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn 1 Làng Bát, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; anh V và Chị H là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng có nhà ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh V, thường ngày Chị H đi làm công nhân ở xa, anh V làm thuê trong xã, sáng đi tối về. Từ đợt nghỉ lễ 30/4/2022 đến nay không thấy Chị H ở nhà; mâu thuẫn vợ chồng của anh V Chị H thôn không nắm được. Chị H và anh V có 02 con chung, các cháu đều đang ở cùng anh V, hàng ngày anh V đi làm thì ông bà nội trông nom.

Bà Lý Thị H, mẹ đẻ của anh V cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp; anh V Chị H ở riêng trên đất của vợ chồng bà, ở cạnh nhà bà. Gia đình bà có biết vợ chồng anh V Chị H mâu thuẫn, Chị H đi làm ăn xa, không về nhà, anh V đi làm thuê trong xã, sáng đi tối về; các văn bản của Toà án gửi bà đều có báo với anh V nhưng anh V nói Chị H tự nộp đơn ly hôn thì Chị H tự giải quyết, anh không đến Toà án. Chị H và anh V có 02 con chung

là cháu Đặng Như Q và cháu Đặng Quốc Q, các cháu hiện đang ở với anh V, khi anh V đi làm thì gửi vợ chồng bà trông nom, các cháu đều đang học tại xã T, hàng tháng Chị H vẫn gửi tiền về để nuôi con. Mọi việc của anh V Chị H đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Ghi nhận ý kiến của cháu Đặng Như Q và cháu Đặng Quốc Q, các cháu đều xác nhận và cùng có ý kiến: Nếu Chị H và anh V ly hôn các cháu muốn ở với anh V vì các cháu đang có cuộc sống ổn định, được đi học, các cháu không muốn thay đổi, các cháu muốn hai chị em được ở cùng nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn V. Giao cháu Đặng Như Q, sinh ngày 09/10/2009 và cháu Đặng Quốc Q, sinh ngày 17/4/2014, là con chung của Chị H và anh V cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, vay nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đặng Văn V không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn V tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 09 tháng 5 năm 2009. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh V không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh Đặng Văn V.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, Chị H và anh Đặng Văn V có 02 con chung, cháu Đặng Như Q, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009; cháu Đặng Quốc Q, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014, cháu Q và cháu Q hiện đang sống cùng anh V, do anh V nuôi dưỡng; các cháu đều có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu muốn được ở cùng anh V. Nên cần giao cháu Đặng Như Q và cháu Đặng Quốc Q cho anh Đặng Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; do anh V chưa yêu cầu nên Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của anh Đặng Văn V: Trong quá trình giải quyết vụ án anh V vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị H và anh V, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn 1 Làng Bát, xã T, huyện H; anh V có biết việc Chị H xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Đặng Văn V không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 do Ủy ban nhân dân Tân Thành, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 09 tháng 5 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Như Q, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009; cháu Đặng Quốc Q, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014, cho anh Đặng Văn V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh V chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hiền đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0004766 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Đặng Văn V không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thiết - Nguyễn Văn Hiếu

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Thanh Huyền

